

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 26-7-2022

*V/v: Kiện tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Lê Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trịnh Duy Đ (tên gọi khác H), sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Số 41 T, tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C là ông Trịnh Duy Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 41T, tổ dân phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (theo giấy ủy quyền ngày 26/5/2022).

* Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1973.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi làm việc: Trường T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt ông Đ, chị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022 và các lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Cháu nội ông Đ là học sinh của chị Trần Thị T. Ngày 28/6/2020 chị T đã đến trực tiếp nhà ông Trịnh Duy Đ (tên gọi khác là H), bà Nguyễn Thị C hỏi vay vợ chồng ông số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lý do vay để thanh toán tiền mua nhà. Do tin tưởng nên vợ chồng ông đã cho chị Trần Thị T vay số tiền

20.000.000đ, đồng thời chị T đã viết giấy biên nhận lập ngày 28/6/2020 nội dung vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời gian vay từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/9/2020 sẽ trả đủ số tiền trên, không tính lãi. Ngoài giấy biên nhận lập ngày 28/6/2020 nội dung vay 20.000.000đ; chị T còn lập 03 giấy hẹn trả tiền trong đó 01 giấy không ghi ngày hẹn đến 20 âm lịch năm 2020 trả tiền, 01 giấy lập ngày 25/3/2021 hẹn đến 20/6/2021 trả tiền, 01 giấy lập ngày 14/02/2022 hẹn trả từ tháng 01/2022 sẽ trả 5.000.000đ/1 tháng. Ông Đ, bà C đã giao đủ số tiền trên cho chị T bằng tiền VNĐ. Đây là tiền tiết kiệm chung của hai vợ chồng ông, khi cho chị T vay chỉ có vợ chồng ông bà và chị T, không có ai chứng kiến sự việc. Tuy nhiên, chị T đã không thực hiện việc trả nợ như trong giấy biên nhận chị T đã viết, bà C đã trực tiếp đến trường T nơi chị Thủy làm việc gặp, thì chị T chỉ viết giấy hẹn trả tiền nhưng sau 03 lần hẹn trả từ 2020 đến hết tháng 4/2022 ông bà vẫn chưa nhận được khoản tiền chị T đã vay. Nay ông Đ, bà C yêu cầu chị T hoàn trả cho vợ chồng ông số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, không chấp nhận cho chị T trì hoãn nợ.

Bị đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị công nhận ngày 28/6/2020 chị có viết giấy biên nhận vay của ông Trịnh Duy Đ (tên gọi khác là H), bà Nguyễn Thị C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/9/2020, các lần hẹn trả tiền không tính lãi vay như ông Đ trình bày là đúng. Chị đã nhận đủ số tiền 20.000.000đ tuy nhiên đến nay vẫn chưa thanh toán được. Chị xin được gia hạn thời hạn trả nợ số tiền trên đến hết ngày 30/10/2023 trả một lần 20.000.000đ cho vợ chồng ông Đ, bà C và không phải trả nợ lãi.

* Tại phiên toà hôm nay: Ông Trịnh Duy Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Trần Thị T trả cho ông bà số tiền 20.000.000đ và không yêu cầu trả lãi từ ngày 28/9/2020 đến nay. Chị T xin hẹn trả nợ đến hết ngày 30/10/2023 sẽ trả đủ một lần cho ông bà số tiền trên thì ông không chấp nhận vì chị T thất hứa quá nhiều. Do đó ông Đ thay đổi yêu cầu: đề nghị Tòa án giải quyết nghĩa vụ trả nợ của chị T theo pháp luật, nếu khi có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng ông, bà thì chị T phải chịu lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử (HĐXX), thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện là “hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là chị Trần Thị T đang sinh sống và làm việc tại thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo các thỏa thuận trả nợ vay thì hết tháng 4/2022 sẽ thanh toán xong, nhưng bị đơn (bên vay) không thực hiện nghĩa vụ. Thời điểm phát sinh tranh chấp là tháng 5/2022, ông Đ, bà C khởi kiện là phù hợp quy định về thời hiệu tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

* Về nội dung:

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trịnh Duy Đ trình bày ngày 28/6/2020 ông và bà C có cho chị T vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/9/2020, không thỏa thuận về lãi. Xét hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông Đ bà C và chị T là có thật được đôi bên thừa nhận. Ngày 28/6/2020 tại nhà ông Đ, bà C, chị T đã lập giấy biên nhận vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của ông Đ, bà C, thời hạn thanh toán từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/9/2020 và không có lãi. Ông Đ, bà C đã giao đủ cho chị T số tiền 20.000.000đ ngay sau khi chị T lập giấy nhận nợ. Đến hạn, chị T không trả được nợ, đôi bên đã gia hạn thời hạn trả nợ 03 lần vào các ngày: hạn ngày 20 âm lịch năm 2020, ngày 20/6/2021 và giấy hạn 14/02/2022 hạn trả từ tháng 01/20 bà C. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện trên, Tòa không phải chứng minh.

Căn cứ quy định tại Điều 117, 385, 386, 393, 400, khoản 1 Điều 401 Bộ luật Dân sự thì giấy biên nhận chị T lập ngày 28/6/2020 với ông Đ và bà C là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bên cho vay và bên vay, thỏa mãn các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự và có hiệu lực từ ngày 28/6/2020.

Căn cứ các Điều 402, 463, 465 Bộ luật Dân sự, hợp đồng giữa ông Đ, bà C và chị T xác lập ngày 28/6/2020 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Đây là hợp đồng song vụ và đôi bên phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết trong hợp đồng và pháp luật quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà C đã thực hiện đúng nghĩa vụ (giao đủ tiền cho chị T). Đến hạn, theo hợp đồng chị T không trả nợ, thậm chí sau 03 lần gia hạn thời hạn trả nợ của đôi bên chị T vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự cần buộc chị T trả nợ ông Đ, bà C 20.000.000đ theo như chị T thừa nhận là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, ông Đ giữ nguyên quan điểm chị T không phải trả lãi do chậm trả từ ngày 28/9/2020 đến nay. Đây là quyền tự định đoạt của ông Đ, bà C được HĐXX chấp nhận nên chị T không phải trả lãi.

Chị T đề nghị gia hạn thời hạn trả nợ chậm nhất ngày 30/9/2023 trả hết nợ cho ông Đ, bà C, đối chiếu theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự không có căn cứ chấp nhận. Mặt khác ông Đ, bà C cũng không còn thỏa thuận nào khác về thời hạn trả nợ đối với chị T nên không có căn cứ xem xét.

[4] Về việc bổ sung yêu cầu của ông Đ tại phiên tòa về việc tính lãi khi bản án có hiệu lực và chị T nếu tiếp tục chậm trả tiền: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất,

phạt vi phạm thì khi bản án có hiệu lực, nếu khi ông Đ, bà C có đơn yêu cầu thi hành án mà chị T vẫn chậm trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trả cho người được thi hành án tương ứng với số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong theo lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó yêu cầu này của ông Đ, bà C được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chị T có nghĩa vụ phải trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định. Yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 117, 357, 385, 386, 393, 397, 400, 401, 402, 429, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Duy Đ (tên gọi khác là H) và bà Nguyễn Thị C.

Buộc chị Trần Thị T phải trả vợ chồng ông Trịnh Duy Đ, bà Nguyễn Thị C số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông Đ, bà C) đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành (chị T) chậm trả tiền thì phải trả lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu án phí là 1.000.000đ (một triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị C được nhận lại 500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/000392 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh